

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2023/DS-ST

Ngày: 08 / 5 /2023

V/v "Tranh chấp

hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Võ Thế Khoa

2/ Bà Huỳnh Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên- kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 4 và ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:23/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Diễm T**, sinh năm 1984, nơi cư trú ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

* Bị đơn: Bà **Lê Thị Mỹ H**, sinh năm 1977 nơi cư trú: ấp C, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt).

Người tham gia tố tụng khác:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Anh T- văn phòng luật sư A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

-Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Thanh S, sinh 1976 (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Vinh H, (tên thường gọi là T) (vắng mặt)

3. Trần Thị Tuyết N, sinh 1983 (vợ của anh H) (vắng mặt)

4. Cao Hồng H, sinh 2006 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

5. Anh Lê Thuận Thành E, sinh 1999 (vắng mặt)

6. Anh Huỳnh Ngọc D (tên thường gọi là L)

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày: Ngày 01/8/ Năm 2021 bà T có cho bà H mượn số tiền 85 triệu đồng, bà H tự tay viết giấy mượn tiền cho bà T, nhưng do ghi nhầm là ngày 01/8/2001 chứ đúng là ngày 1/8/2021. Thời hạn mượn là 1 tháng tức ngày 1/9/2021 phải trả cho bà T, nhưng đến nay đã quá thời hạn mà bà H chưa trả tiền.

Tiếp theo, vào ngày 07/10/2020 Bà H có vay của Bà T số tiền 69.000.000đồng, Bà H có viết biên nhận và cam kết đến ngày 07/11/2020 sẽ trả lại cho Bà T, nhưng vẫn chưa trả.

Đến ngày 10/02/2021 Bà H tiếp tục vay của Bà T số tiền 75.000.000đồng. Bà H có viết biên nhận và Bà H cam kết đến ngày 15/5/2021 sẽ trả lại số tiền trên, nhưng đến nay chưa trả.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Bà H phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 229.000.000đồng. Ngoài ra không yêu cầu nào khác.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn Bà Lê Thị Mỹ H trình bày:** Bà H xác định bà có mượn tiền của bà T là đúng, thời gian bắt đầu mượn tiền khoảng năm 2019 lúc đầu mượn tiền 3 lần tổng cộng 10.500.000 đồng (lần 1 bà có viết 1 biên nhận 4 triệu đồng do T giữ, lần 2 mượn 4 triệu đồng không làm giấy, lần 3 là 2,5 triệu đồng không làm giấy), lãi suất là 1 triệu đồng/ một ngày /10.000 đồng, không đóng lãi tháng này sẽ bị nhập lãi vào tiền vốn tháng sau. Sau nhiều tháng bà không có tiền đóng tiền lãi nên đến ngày 01/8/2021 bà T bắt bà viết biên nhận nợ là 85 triệu đồng, bà H không có viết biên nhận nợ là 85 triệu đồng, sự thật bà H chỉ nợ bà T 10.500.000 đồng vốn gốc, biên nhận nợ ghi ngày 1/8/2001 là không phải do bà viết ký tên. Bà xác định chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 10.500.000 đồng, không đồng ý trả 85 triệu đồng cho bà T vì có tiền lãi trong đó. Sự việc vay mượn tiền giữa bà với T thì ngoài lời trình bày của bà ra bà không có tài liệu chứng cứ gì khác.

Hai biên nhận ngày 07/11/2020 và ngày 10/02/2021 tôi không có viết và ký tên, tôi chỉ còn thiếu Bà T số tiền là 10.500.000đồng. Ngoài ra tôi không có thiếu Bà T số tiền nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Bà Lê Thị Mỹ H yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký trên ba biên nhận trên.

Tại kết luận giám định số: 870/KL-KTHS, ngày 30/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Vĩnh Long kết luận:

Kết luận về đối tượng giám định:

Chữ ký, chữ viết cần giám định trên 03 (ba) giấy biên nhận ngày 01/8/2001, ngày 07/11/2020 và ngày 10/02/2021 (ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký, chữ viết mẫu so sánh trên: Biên bản giao nhận chứng cứ, bản cung cấp mẫu chữ ký cùng đề ngày 21/10/2022 (ký hiệu M1,M2); chữ ký ở góc bên trái dưới cụm từ “ Ninh trật tự tại địa phương” và nội dung chữ viết “ Lê Thị Mỹ H” “ Tôi có đồng ý viết giấy nợ số tiền 85 triệu nhưng đó là tiền lời tiền gốc 10 triệu 500” trên “ Biên Bản Trao Đổi Sự Việc” đề ngày 03/12/2021 (ký hiệu M3), **là do cùng một người ký và viết ra.**

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2022 người làm chứng anh Lê Thuận Thành E trình bày: anh là người chạy xe honda khách, vào khoảng thời gian cuối năm 2020

đến đầu năm 2021 anh có nhận tiền của bị đơn nhiều lần với tổng số tiền là 3.000.000đồng về giao cho chị T nhưng không biết tiền gì và anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2022 người làm chứng anh Nguyễn Thanh S trình bày: Trước đây không nhớ ngày tháng năm nào anh là người chạy xe honda khách, anh có nhận tiền của bị đơn nhiều lần mỗi lần từ 200.000đ – 300.000đ về giao cho bà T nhưng không biết tiền gì và anh xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2023 người làm chứng chị Trần Thị Tuyết N trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Vinh H, chị có nghe anh H nói lại với chị là anh H không có nhận tiền gì của chị Lê Thị Mỹ H và xin vắng mặt phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2023 của chị Cao Hồng H như sau: Chị không có nhận tiền gì của bà Lê Thị Mỹ H.

Tại biên bản công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/02/2023 bị đơn bà H không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng không yêu cầu giám định lại.

Tại phiên tòa ngày 17/4/2023 bị đơn trình bày: bị đơn đã trả cho nguyên đơn nhiều lần tiền lãi qua các người làm chứng như trên với số tiền là 52.000.000đ, riêng nguyên đơn nhận là 75.000.000đ, tổng cộng số tiền là 127.000.000đ nhưng đó là tiền lãi. Nguyên đơn không thừa nhận. Tuy nhiên bị đơn không yêu cầu gì đối với số tiền này, đồng thời bị đơn cũng thừa nhận 03 biên nhận nêu trên là do nguyên đơn ép bị đơn viết tại nhà nguyên đơn nhưng đó là tiền lãi nhập vào tiền gốc, thực tế tiền gốc là 10.500.000đồng, nhưng bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh là nguyên đơn ép buộc bị đơn viết.

Tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn vẫn bảo lưu ý kiến.

Bị đơn vẫn bảo lưu ý kiến và không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

+ Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bị đơn nộp toàn bộ.

-Về chi phí giám định: buộc bị đơn nộp toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Mỹ H trả cho nguyên đơn tổng số tiền vay là 229.000.000đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, bởi vì: trong 03 (ba) giấy biên nhận ngày 01/8/2001, ngày 07/11/2020 và ngày 10/02/2021 có thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn tổng số tiền gốc là 229.000.000đồng. Đồng thời, tại kết luận giám định số: 870/KL-KTHS, ngày 30/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Vĩnh Long kết luận về đối tượng giám định:

Chữ ký, chữ viết cần giám định trên 03 (ba) giấy biên nhận ngày 01/8/2001, ngày 07/11/2020 và ngày 10/02/2021 (ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký, chữ viết mẫu so sánh trên: Biên bản giao nhận chứng cứ, bản cung cấp mẫu chữ ký cùng đề ngày 21/10/2022 (ký hiệu M1,M2); chữ ký ở góc bên trái dưới cụm từ “ Ninh trật tự tại địa phương” và nội dung chữ viết “ Lê Thị Mỹ H” “ Tôi có đồng ý viết giấy nợ số tiền 85 triệu nhưng đó là tiền lời tiền gốc 10 triệu 500” trên “ Biên Bản Trao Đổi Sự Việc” đề ngày 03/12/2021 (ký hiệu M3), **là do cùng một người ký và viết ra.**

Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh bị đơn có nợ nguyên đơn tổng số tiền gốc là 229.000.000đồng. Tuy nhiên, bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn nhiều lần tiền lãi qua các người làm chứng như trên với số tiền là 52.000.000đ, riêng nguyên đơn nhận là 75.000.000đ, tổng cộng số tiền là 127.000.000đ nhưng đó là tiền lãi. Nguyên đơn không thừa nhận, nhưng bị đơn không yêu cầu gì đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả ra cho nguyên đơn số tiền gốc là 229.000.000đồng là có căn cứ đúng pháp luật.

Xét đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là chưa có cơ sở chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bị đơn nộp toàn bộ.

-Về chi phí giám định: buộc bị đơn nộp toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 143, 144,147, 227, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng các Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T, buộc bị đơn bà Lê Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm T số tiền 229.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về chi phí giám định: buộc bị đơn nộp 4.400.000đồng. Còn lại 4.600.000 đồng, đã trả lại cho bị đơn nhận đủ 4.600.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Lê Thị Mỹ H nộp 11.450.000đồng.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.125.000 đồng và 3.600.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003443 ngày 14/12/2021, biên lai thu số 0003802 ngày 07/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Thành